

Số: 158/TB-ĐCM

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tên và số lượng tài sản: Lô tài sản cố định thanh lý.

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo thông báo này).

2. Tổng giá khởi điểm lô tài sản đấu giá: 358.925.000 đồng.

(Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tám triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)

- Giá trên chưa bao gồm: Thuế GTGT theo quy định của Nhà nước, chi phí tháo dỡ, bốc xếp, vận chuyển và chi phí phát sinh khác (nếu có).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn:

- TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN QUẢNG NINH. Địa chỉ: Tầng 5, trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Ninh, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Tổng số điểm: 99,0

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không có

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không có

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Quảng Ninh
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0

1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0

3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	56,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền	3,0

	kể có mức chênh lệch từ 10% trở lên	
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4,0
6.1	01 đấu giá viên	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân	4,0
7.1	Dưới 05 năm	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	4,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	



8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành công tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	1,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với Trung tâm Khuyến nông và Quản lý Bảo vệ, phát triển rừng thành phố Quảng Ninh và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	1,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh Quảng Ninh nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
4.	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản lâu nhất tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực). Chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có thời gian lâu nhất mới được tính điểm.	2,0
TỔNG		99,0

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Cổng thông tin điện tử Công ty;
- Lưu VT; KTSX-AT (H).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**Hà Minh Thọ**


BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT DANH MỤC TÀI SẢN THANH LÝ

(Kèm theo Thông báo số 158/TB-ĐCM ngày 28 tháng 9 năm 2026)

STT	Tên tài sản	Số lượng	Chất lượng
1	Xe ô tô con Toyota Cam ry 2.4G. Biển đăng ký: 14M 0350 (14A-239.70)	01	Hết khấu hao, hư hỏng
2	Xe ô tô ca TRANSICO 1-5 K35 14B - 026.87	01	Hết khấu hao, hư hỏng
3	Xe gạt bánh xích (Máy ủi) XCMG TY 230	01	Hết khấu hao, hư hỏng
4	Máy khoan XY-44H	01	Hết khấu hao, hư hỏng
5	Máy khoan XY-44H	01	Hết khấu hao, hư hỏng
6	Máy khoan XY-44H	01	Hết khấu hao, hư hỏng
7	Máy khoan XY-44H	01	Hết khấu hao, hư hỏng
8	Máy khoan XY-44H	01	Hết khấu hao, hư hỏng
9	Máy phân tích nhiệt lượng Model 6200 EF-PARR (Mỹ)	01	Hết khấu hao, hư hỏng
10	Máy toàn đạc điện tử Topcon ES-105	01	Hết khấu hao, hư hỏng
11	Máy toàn đạc điện tử Topcon ES-105	01	Hết khấu hao, hư hỏng
12	Máy toàn đạc điện tử Topcon ES-105	01	Hết khấu hao, hư hỏng
13	Thùng trộn dung dịch 1 m3	01	Hết khấu hao, hư hỏng
14	Thùng trộn dung dịch 1 m3	01	Hết khấu hao, hư hỏng
15	Thùng trộn dung dịch 1 m3	01	Hết khấu hao, hư hỏng
16	Thùng trộn dung dịch 1 m3	01	Hết khấu hao, hư hỏng
17	Thùng trộn dung dịch 1 m3	01	Hết khấu hao, hư hỏng
18	Thùng trộn dung dịch 1 m3	01	Hết khấu hao, hư hỏng
19	Thùng trộn dung dịch 1 m3	01	Hết khấu hao, hư hỏng
20	Thùng trộn dung dịch 1 m3	01	Hết khấu hao, hư hỏng
21	Thùng trộn dung dịch 1 m3	01	Hết khấu hao, hư hỏng
22	Ống đo xạ mật độ UK I002013	01	Hết khấu hao, hư hỏng
23	Máy tháo lắp cần RT-1200	01	Hết khấu hao, hư hỏng
24	Máy tháo lắp cần RT-1200	01	Hết khấu hao, hư hỏng
25	Máy tháo lắp cần RT-1200	01	Hết khấu hao, hư hỏng
26	Máy tháo lắp cần RT-1200	01	Hết khấu hao, hư hỏng
27	Máy tháo lắp cần RT-1200	01	Hết khấu hao, hư hỏng

 N: 57
 CÔNG
 Ô PH
 CHA
 TK
 10.9

STT	Tên tài sản	Số lượng	Chất lượng
28	Máy tháo lắp cần RT-1200	01	Hết khấu hao, hư hỏng
29	Máy tháo lắp cần RT-1200	01	Hết khấu hao, hư hỏng
30	Máy đo lưu tốc	01	Hết khấu hao, hư hỏng
31	Máy đo lưu tốc	01	Hết khấu hao, hư hỏng
32	Máy đo lưu tốc	01	Hết khấu hao, hư hỏng
33	Máy đo lưu tốc	01	Hết khấu hao, hư hỏng
34	Máy vắt MV - 20	01	Hết khấu hao, hư hỏng
	Tổng cộng	34	

7/13

